

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 01 tháng 6 năm 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Bảy

Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian ở phiên tòa số 413/TB-TA ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Diễm K; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: ấp L, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Bùi Văn N; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm K trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là anh Bùi Văn N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm

2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 26 tháng 5 năm 2018. Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Nhật H sinh ngày 02/8/2018, hiện cháu H đang sống chung với anh N. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng không cùng quan điểm, tính tình không hợp nhau, một phần do kinh tế gia đình không ổn định, vợ chồng phải đi làm thuê, nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi nhau, hiện nay chị K đã về quê cha mẹ ruột để sống và vợ chồng đang sống ly thân. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị K yêu cầu ly hôn anh N; về con chung, trong đơn khởi kiện, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng, nhưng trong quá trình giải quyết, chị K cho biết cháu Bùi Nhật H hiện nay đang ở với anh N, nếu anh N có yêu cầu nuôi thì chị cũng chấp nhận để cháu H ở với anh N, nhưng phải dành quyền thăm con cho chị K; về tài sản chung và nợ, chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn N trình bày: Anh N thừa nhận phần trình bày của chị K về thời điểm kết hôn, con chung của hai người là đúng. Anh N cho biết từ khi cưới nhau, vợ chồng đi làm công nhân chung ở Cần Thơ, không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng không hiểu vì sao chị K nộp đơn ly hôn, hiện nay anh vẫn còn thương vợ con nên trước yêu cầu xin ly hôn của chị K thì anh N không đồng ý và có mong muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Tuy nhiên nếu chị K kiên quyết ly hôn thì anh N có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng, vì từ trước đến nay cháu H đang sống chung với anh N, anh có đủ điều kiện để nuôi cháu; về tài sản chung và nợ thì anh N không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung chưa thành niên cho anh N trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm K, nhưng chị K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh N xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp

pháp. Trong quá trình chung sống, chị K nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, một mặt là do kinh tế gia đình không ổn định phải đi làm thuê, vợ chồng sống ly thân, làm cho cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên chị K yêu cầu ly hôn anh N. Tại phiên họp hòa giải ở Tòa án, anh N cho biết vẫn còn thương vợ con nên muốn hàn gắn nhưng chị K vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Tòa án xác minh người thân nơi vợ chồng con của chị K, anh N đang sinh sống để tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng nhưng không ai nắm được. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và vợ chồng phải luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nay chị K kiên quyết yêu cầu ly hôn, xét thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K.

[3] Về con chung: Chị K và anh N có 01 người con chung chưa thành niên hiện đang sống với anh N. Anh N cho biết nếu phải ly hôn thì anh có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Bùi Nhật H và không yêu cầu chị K cấp dưỡng. Xét thấy cháu H từ trước đến nay sống tại gia đình cùng với anh N, đồng thời chị K cũng có thể hiện ý kiến nếu anh N có yêu cầu nuôi con thì chị cũng chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu H cho anh N để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị K không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Về vấn đề cấp dưỡng, trên cơ sở tự nguyện của anh N không yêu cầu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử ghi nhận và không buộc chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Diễm K được ly hôn anh Bùi Văn N.

- *Về con chung:* Giao cháu Bùi Nhật H sinh ngày 02/8/2018 cho anh Bùi Văn N để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; chị Nguyễn Thị Diễm K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N tự nguyện không yêu cầu được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị K, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001614, ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã T, huyện K-ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu